

Bản án số: 25/2025/HC-ST

Ngày: 25/6/2025

“V/v: Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trung Thực.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Ngọc Khải và ông Hoàng Xuân Trường.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Giang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Mạnh Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 25/6/2025, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 141/2025/TLST-HC ngày 12 tháng 2 năm 2025 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2025/QĐXXST-HC ngày 02/6/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 31/QĐST-HC ngày 17/6/2025, giữa:

1. Người khởi kiện: Bà Phạm Thị T, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện Y, tỉnh Hưng Yên. (Vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: ông Vũ Như A, sinh năm 1955. Địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện Y, tỉnh Hưng Yên. (Theo giấy ủy quyền ngày 28/10/2021). Phần thủ tục bắt đầu phiên tòa có mặt nhưng sau đó ông A đề nghị được vắng mặt tại phiên tòa.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện Y, tỉnh Hưng Yên. Người đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Xuân L - Chủ tịch UBND huyện Y. Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Văn D - Phó Chủ tịch UBND huyện Y. (Vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ủy ban nhân dân tỉnh H. Địa chỉ: Số A đường C, phường H, thành phố H, tỉnh Hưng Yên. Người đại diện theo pháp luật: ông Trần Quốc V – Chức vụ: Chủ tịch UBND tỉnh H. (Vắng mặt).

+ UBND xã N, huyện Y, tỉnh Hưng Yên. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu T1 – Chức vụ: Chủ tịch UBND xã N. (Vắng mặt).

+ Công ty cổ phần D1. Địa chỉ: P, khu nhà hỗn hợp, dự án TTTM và nhà ở

biệt thự P, khu phố N, phường H, thành phố H, tỉnh Hưng Yên. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Tô N - Chủ tịch Hội đồng quản trị. Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Đỗ Thị Thu T2 - Đại diện khu vực Hưng Yên. (Đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện sửa đổi bổ sung và quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện trình bày:

Năm 2018, UBND huyện Y, tỉnh Hưng Yên đã thu hồi đất nông nghiệp được chia theo tiêu chuẩn của gia đình Bà Phạm Thị T tại thôn T, xã N (nay là xã N) để giao cho Công ty Cổ phần D1 thực hiện Dự án đầu tư Khu nhà ở, dịch vụ khu công nghiệp P. Bà đã nhận tiền đền bù, nhận thông báo thu hồi đất, quyết định thu hồi đất, nhưng do không có phương án đền bù công khai làm ảnh hưởng đến quyền lợi của gia đình bà.

Bà đã uỷ quyền cho ông Vũ Như A yêu cầu Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Y cung cấp quyết định thu hồi đất của UBND huyện Y. Ngày 18/4/2023, Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện đã cung cấp quyết định thu hồi đất số 6037/QĐ-UBND ngày 29/11/2017 của UBND huyện Y đối với hộ gia đình bà cho ông Vũ Như A.

Bà nhận thấy quyền, lợi ích hợp pháp của gia đình bà bị xâm phạm khi bị UBND huyện Y thu hồi đất chưa đúng theo quy định pháp luật, bởi các lý do sau:

Thứ *nhất*, Năm 2017, UBND huyện Y thu hồi đất của các hộ gia đình tại xã N (nay là xã N), các hộ đã nhận tiền đền bù, nhận được thông báo thu hồi đất, quyết định thu hồi đất, nhưng lại không có phương án đền bù công khai làm ảnh hưởng đến quyền lợi của các hộ gia đình.

Thứ *hai*, việc thu hồi đất có một số sai phạm như:

+ Mục đích của việc thu hồi đất sai với Nghị quyết chấp thuận của HĐND tỉnh. HĐND tỉnh chấp thuận thu hồi đất để phát triển kinh tế- xã hội, vì lợi ích quốc gia, công cộng. Tuy nhiên, sau khi có đất bị thu hồi. Công ty Cổ phần D1 liền phân lô, bán nền, xây nhà ở thương mại với giá gấp nhiều lần giá đền bù.

+ Thủ tục thu hồi đất vi phạm quy định pháp luật.

+ Không minh bạch, công khai, người có đất bị thu hồi không được phổ biến về phương án bồi thường, hỗ trợ; không được xem phương án bồi thường, hỗ trợ. Đối với những hộ dân nghiêm chỉnh chấp hành thì chỉ được UBND huyện bồi thường với giá 109.000.000 đồng/sào; nhưng đối với 5 hộ dân chây ỳ không nhận tiền bồi thường thì lại chấp nhận thỏa thuận ngầm, bồi thường, hỗ trợ thêm với giá 360.000.000 đồng/sào. Việc này làm phát sinh mâu thuẫn nghiêm trọng giữa các hộ dân trong thôn.

+ Nhiều thửa đất bị thu hồi không trùng với khu đất thu hồi được mô tả trong Thông báo 163/TB – UBND ngày 26/6/2012 của UBND tỉnh H.

+ Không có căn cứ để tính mức giá bồi thường 109.000.000 đồng/sào. Không có căn cứ để 5 hộ dân được đền bù 360.000.000 đồng/sào.

+ Việc thu hồi đất vi phạm điểm a khoản 3 Điều 69 Luật Đất đai. Cụ thể, tại thời điểm thu hồi đất thì UBND huyện Y không giao Quyết định thu hồi đất cho các hộ gia đình;

+ Vi phạm điều kiện giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư. Cụ thể, theo Điều 58 Luật Đất đai thì Nghị quyết HĐND tỉnh đối với trường hợp chuyển mục đích sử dụng dưới 10 hecta đất trồng lúa....Tuy nhiên, các Nghị quyết của HĐND tỉnh H về việc chấp thuận Danh mục dự án cần thu hồi đất lại lên đến gần 20 hecta.

+ Các Nghị quyết của HĐND tỉnh và Quyết định của UBND tỉnh có sự không thống nhất về số liệu, tổng diện tích đất bị thu hồi.

Bởi các lý do trên, bà khởi kiện đề nghị TAND tỉnh Hưng Yên giải quyết:

1. Yêu cầu hủy quyết định thu hồi đất số 6037/QĐ-UBND ngày 29/11/2017 của UBND huyện Y, về việc thu hồi đất của người khởi kiện tại thôn T, xã N, huyện Y để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án đầu tư Khu nhà ở dịch vụ khu công nghiệp P.

2. Buộc Công ty Cổ phần D1 phải bồi thường 108m² đất cho gia đình bà theo đơn khởi kiện ngày 14/7/2023 số tiền 32.616.000 đồng; đến đơn khởi kiện bổ sung ngày 17/11/2024, bà yêu cầu bồi thường 108m² đất với số tiền 1.008.000.000 đồng.

3. Yêu cầu UBND tỉnh H và UBND huyện Y mỗi cơ quan phải bồi thường 150.000 đồng thiệt hại về sức khỏe và tinh thần do bị sốc khi nhận được quyết định thu hồi đất và quyết định giao đất.

4. Yêu cầu Tòa án kiến nghị với cấp có thẩm quyền và tổ chức Đảng các cấp xử lý kỷ luật hoặc khởi tố vụ án hình sự vì thu hồi đất và cho thuê đất trái pháp luật.

5. Yêu cầu Tòa án kiến nghị và chuyển hồ sơ sang Cơ quan cảnh sát điều tra để khởi tố vụ án hình sự đối với lãnh đạo Công ty cổ phần D1.

Ngày 4/2/2025, bà T tiếp tục có đơn khởi kiện bổ sung: Ngoài yêu cầu hủy quyết định thu hồi đất số 6037/QĐ-UBND ngày 29/11/2017 của UBND huyện Y. Bà còn yêu cầu Tòa án buộc Chủ tịch UBND huyện Y, UBND huyện Y, UBND xã N, Công ty D1 phải tự phá bỏ, tháo dỡ toàn bộ các công trình đã xây dựng để trả lại mặt bằng đất nông nghiệp cho chủ sử dụng đất; Yêu cầu UBND huyện Y, Công ty D1 bồi thường thiệt hại cho người khởi kiện trong thời gian chiếm dụng quyền sử dụng đất nông nghiệp từ tháng 11/2017 đến tháng 1/2025 với số tiền 70.912.000 đồng. Buộc người bị kiện phải khắc phục toàn bộ hậu quả pháp lý theo luật định. Kiến nghị xem xét dấu hiệu vi phạm pháp luật hình sự của Chủ tịch UBND huyện Y và UBND huyện Y.

Tại văn bản ngày 14 tháng 4 năm 2025, người bị kiện là UBND huyện Y trình bày:

- Ngày 26/6/2012, UBND tỉnh H có thông báo số 163/TB – UBND về việc thu hồi đất tại xã N, huyện Y để thực hiện dự án đầu tư Khu nhà ở, dịch vụ khu công nghiệp P của Công ty Cổ phần D1.

- Ngày 10/01/2014, Thủ tướng Chính phủ có Văn bản số 62/TTg – KTN về việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa để thực hiện các dự án trên địa bàn tỉnh Hưng Yên, cho phép UBND tỉnh H quyết định chuyển mục đích sử dụng 607,82ha đất trồng lúa để thực hiện 92 dự án công trình như đề nghị của Bộ T3.

- Ngày 28/8/2014, UBND tỉnh H ban hành quyết định số 1471/QĐ – UBND về việc ủy quyền cho các UBND huyện, thành phố quyết định thu hồi đất theo khoản 3 Điều 66 Luật Đất đai 2013.

- Ngày 9/9/2016, UBND huyện Y ban hành quyết định số 2031/QĐ – UBND về việc thành lập Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng dự án đầu tư Khu nhà ở, dịch vụ khu công nghiệp P.

- Ngày 15/12/2016, Hội đồng nhân dân tỉnh H ban hành Nghị quyết số 84/2016/NQ – HĐND về việc chấp thuận danh mục các dự án cần thu hồi đất và phê duyệt các dự án sử dụng đất trồng lúa nước trên địa bàn tỉnh.

- Ngày 28/12/2016, UBND tỉnh H ban hành Quyết định số 3190/QĐ – UBND về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2017 của huyện Y.

- Ngày 18/8/2017, UBND tỉnh H có quyết định số 2362/QĐ – UBND về việc phê duyệt giá đất cụ thể làm căn cứ tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư Khu nhà ở, dịch vụ khu công nghiệp P của Công ty Cổ phần D1.

- Ngày 10/4/2017, UBND xã N có tờ trình số 46/TTr- UBND ngày 10/4/2017 đề nghị UBND huyện ra thông báo thu hồi đất.

- Ngày 12/4/2017, UBND huyện Y ban hành Thông báo thu hồi đất đồng thời giao các thông báo thu hồi đất cho các hộ gia đình.

- Sau đó, UBND xã N đã tiến hành xét duyệt nguồn gốc sử dụng đất; lập biên bản kiểm đếm đất đai, tài sản đối với hộ gia đình. Hộ gia đình phối hợp và ký biên bản kiểm đếm tài sản.

- Hội đồng BTGPMB huyện đã lập phương án bồi thường, hỗ trợ và công khai phương án bồi thường trên truyền thanh xã, thôn; niêm yết danh sách công khai tại trụ sở UBND xã và nhà văn hóa thôn trong thời hạn 20 ngày và lập biên bản về việc kết thúc công khai phương án chi tiết bồi thường.

- Ngày 24/11/2017, Hội đồng BTGPMB và UBND xã N (nay là xã N), Chủ đầu tư đã lập phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ về đất nông nghiệp, hoa màu số 73/PA – HĐBT và danh sách kèm theo để đề nghị UBND huyện, phòng chức năng xem xét, thẩm định. Đồng thời, Chủ đầu tư đã tạm ứng chi kinh phí bồi

thường cho các hộ dân bị thu hồi đất. Các hộ dân trong đó có gia đình người khởi kiện đã ký nhận tiền bồi thường và không có ý kiến thắc mắc gì.

- Ngày 28/11/2017, Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện đã thẩm định phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ.

- Ngày 28/11/2017, Phòng T4 huyện có Tờ trình số 268/TTr – TNMT đề nghị UBND huyện ra quyết định thu hồi đất để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án.

- Ngày 29/11/2017, Phòng T4 huyện có Tờ trình số 269/TTr – TNMT đề nghị UBND huyện phê duyệt phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ... để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án.

- Ngày 29/11/2017, UBND huyện Y ban hành Quyết định số 6226/QĐ – UBND phê duyệt phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ.

- Cùng ngày, UBND huyện Y ban hành Quyết định thu hồi đất số 6037/QĐ – UBND về việc thu hồi đất của hộ gia đình.

Đối chiếu với trình tự, thủ tục, thẩm quyền và căn cứ thu hồi đất theo quy định tại Điều 62, 63, 66, 67, 68, 69 Luật Đất đai 2013; Nghị định 43/2014/NĐ – CP và Nghị định 47/2014/NĐ – CP của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đất đai 2013 thì UBND huyện Y đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật khi thu hồi đất của người khởi kiện. Quá trình thực hiện dự án, các hộ dân đều đồng thuận khi kiểm đếm, nhận tiền bồi thường hỗ trợ và tiền thưởng tiến độ, tự nguyện bàn giao đất để thực hiện dự án nên UBND huyện không phải thực hiện thủ tục cưỡng chế thu hồi đất. Sau đó, UBND tỉnh H đã giao đất, cho thuê đất đối với chủ đầu tư để thực hiện dự án từ năm 2018. Đến nay, dự án đã được triển khai thi công và hoàn thiện thì mới phát sinh khiếu kiện tại Tòa án. Như vậy, phải xác định người khởi kiện đã biết về việc thu hồi đất của UBND huyện Y từ thời điểm nhận tiền bồi thường, hỗ trợ nhưng không khởi kiện, khiếu nại gì. Đến tháng 7/2023 mới khởi kiện tại Tòa án là đã hết thời hiệu khởi kiện vụ án hành chính. Đề nghị Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu của người khởi kiện. Trường hợp không có căn cứ để đình chỉ giải quyết vụ án thì đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Người *có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan* UBND xã N nhất trí với quan điểm ý kiến của người bị kiện và đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện.

Người *có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan* Công ty Cổ phần D1 xác định: Công ty được UBND tỉnh bàn giao đất để thực hiện dự án theo đúng quy định pháp luật; không có việc Công ty T5 bồi thường thêm cho một số hộ dân khác như người khởi kiện đã trình bày. Do đó, đề nghị bác toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện.

Người *có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan* UBND *tỉnh H* đã không gửi cho Tòa án văn bản trình bày quan điểm ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Người *có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là các thành viên trong hộ gia đình người khởi kiện*: Mặc dù đã được Tòa án triệu tập đến lấy lời khai; gửi văn bản yêu cầu trình bày quan điểm, ý kiến về việc giải quyết vụ án nhưng không có mặt và cũng không gửi văn bản trình bày quan điểm ý kiến cho Tòa án.

Tại ***Biên bản xác minh ngày 15 tháng 4 năm 2025***, UBND *xã N xác định*: Hộ gia đình người khởi kiện có 02 nhân khẩu được chia ruộng nông nghiệp năm 1993 là Trần Văn L1 (đã chết) và Phạm Thị T được chia 8 thửa đất. Gia đình bà T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp đối với toàn bộ diện tích nêu trên. Năm 2017, 2018 UBND huyện Y tiến hành thu hồi đất giao cho Công ty Cổ phần D1 để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Khu nhà ở dịch vụ khu công nghiệp P, hộ gia đình bà Phạm Thị T bị thu hồi:

- Thửa đất số 627/22, TĐĐ số 2, diện tích 120 m², xứ đồng Dinh.

Quá trình thu hồi đất, UBND huyện Y và các đơn vị liên quan thực hiện trình tự, thủ tục thu hồi, bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án theo đúng quy định của pháp luật. Gia đình bà T nhận đủ tiền, tự nguyện bàn giao đất để thực hiện dự án.

Tòa án đã mở phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại. Tuy nhiên, các đương sự đều có đơn xin vắng mặt nên Tòa án không tiến hành đối thoại được và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Người khởi kiện là bà Thanh vắng M. Ông Vũ Như A là đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ông A đề nghị thay đổi thẩm phán chủ tọa và thư ký phiên tòa đồng thời đề nghị được vắng mặt và không tham dự phiên tòa.

Người bị kiện và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan UBND xã N, Công ty Cổ phần D1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Chủ tọa thay mặt Hội đồng xét xử công bố tóm tắt nội dung khởi kiện của người khởi kiện, công bố lời khai, lời trình bày của các đương sự cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ.

Đại diện VKSND tỉnh Hưng Yên phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của Luật Tổ tụng hành chính. Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị không chấp

nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T. Bà T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[I]. Về tố tụng:

[1]. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện là ông Vũ Như A có đơn yêu cầu thay đổi thẩm phán chủ tọa phiên tòa và thư ký phiên tòa. Tuy nhiên việc yêu cầu thay đổi của ông A là không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về việc vắng mặt của các đương sự gồm người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng đều có đơn xin xét xử vắng mặt hoặc đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ Điều 158 của Luật tố tụng hành chính, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt những người trên theo thủ tục chung.

[2]. **Đối tượng** khởi kiện trong vụ án là Quyết định thu hồi đất số 6037/QĐ-UBND ngày 29/11/2017 của UBND huyện Y, thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình bà Phạm Thị T. Đây là quyết định hành chính trong hoạt động quản lý nhà nước về đất đai mang tính cá biệt nên là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên theo quy định tại khoản 2 Điều 3, khoản 1 Điều 30 và khoản 3, khoản 4 Điều 32 của Luật Tố tụng hành chính.

Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại do bị sốc khi nhận được quyết định hành chính của người khởi kiện; yêu cầu bồi thường thiệt hại do việc chiếm dụng đất, yêu cầu bồi thường về giá trị của đất đã thu hồi, yêu cầu phá bỏ, tháo dỡ toàn bộ các công trình đã xây dựng để trả lại mặt bằng đất nông nghiệp cho chủ sử dụng đất sẽ được HĐXX xem xét khi đánh giá tính hợp pháp và có căn cứ của quyết định hành chính nêu trên.

Đối với các yêu cầu khởi kiện khác trong đơn khởi kiện gồm: Kiến nghị với cấp có thẩm quyền và tổ chức Đảng các cấp xử lý kỷ luật hoặc khởi tố vụ án hình sự vì thu hồi đất và cho thuê đất trái pháp luật; Yêu cầu Tòa án kiến nghị và chuyển hồ sơ sang Cơ quan cảnh sát điều tra để khởi tố vụ án hình sự đối với lãnh đạo Công ty cổ phần D1, kiến nghị xem xét dấu hiệu vi phạm pháp luật hình sự của Chủ tịch UBND huyện Y và của UBND huyện Y không phải là các quyết định hành chính và hành vi hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo thủ tục tố tụng hành chính nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[3]. Về thời hiệu khởi kiện:

Do người bị kiện không chứng minh được đã giao quyết định thu hồi đất cho người khởi kiện hoặc đã niêm yết theo quy định nên thời hiệu khởi kiện 01 năm được tính từ ngày 18/4/2023 là ngày người khởi kiện biết được quyết định

thu hồi đất của UBND huyện Y thông qua việc cung cấp của Chi nhánh VPĐK đất đai huyện Y. Do đó, thời hiệu khởi kiện vụ án vẫn còn theo quy định tại Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[4]. Về phạm vi giải quyết của vụ án:

Ngoài các quyết định hành chính bị khởi kiện nêu trên thì Quyết định giao đất số 2360/QĐ-UBND ngày 19/9/2018 của UBND tỉnh H và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ số 6226/QĐ – UBND ngày 29/11/2017 của UBND huyện Y có liên quan đến các quyết định hành chính bị kiện, nên Hội đồng xét xử xem xét tính hợp pháp của quyết định này theo quy định tại khoản 1 Điều 6; điểm đ khoản 3 Điều 191 Luật tố tụng hành chính.

[II]. Xét tính hợp pháp của các quyết định hành chính bị khiếu kiện và quyết định hành chính có liên quan

1. Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền:

Trên cơ sở các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, có căn cứ xác định: Người bị kiện cơ bản đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền, căn cứ thu hồi đất theo quy định tại các Điều 62, 63, 67, 69 Luật Đất đai 2013. Cụ thể như sau:

* Về thẩm quyền thu hồi đất: Do diện tích đất bị thu hồi để thực hiện dự án thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 66 Luật Đất đai 2013 nên UBND huyện Y ban hành quyết định thu hồi đất trên cơ sở quyết định số 1471/QĐ – UBND ngày 28/8/2014 của UBND tỉnh H về việc ủy quyền cho các UBND huyện, thành phố quyết định thu hồi đất theo khoản 3 Điều 66 Luật Đất đai 2013 là đúng quy định của pháp luật.

* Về trình tự, thủ tục thu hồi đất:

Trên cơ sở thông báo thu hồi đất của UBND tỉnh H, UBND huyện Y đã ban hành thông báo thu hồi đất đến từng hộ gia đình. Các hộ gia đình đã ký danh sách nhận thông báo thu hồi đất. UBND xã N phối hợp tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng triển khai thực hiện kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm, đã lập biên bản xét duyệt nguồn gốc, lập biên bản kiểm đếm tài sản. Người sử dụng đất đã phối hợp với tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường GPMB và ký biên bản kiểm đếm tài sản.

Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, GPMB huyện đã lập phương án bồi thường, hỗ trợ đối với đất nông nghiệp, hoa màu; thông báo trên phương tiện truyền thông và niêm yết công khai tại UBND xã và Nhà văn H xã trong thời gian 20 ngày. Người khởi kiện đã nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và ký nhận trong danh sách kèm theo phương án. Ban GPMB có lập biên bản về việc kết thúc công khai phương án bồi thường và ghi chép các ý kiến góp ý, thắc mắc của một số hộ dân. Đồng thời xây dựng phương án hỗ trợ thưởng tiến độ. Các hộ dân ký nhận tiền thưởng tiến độ trên danh sách. Sau đó, HĐBT đã lập phương án chi

tiết bồi thường, hỗ trợ và danh sách bồi thường, hỗ trợ về đất nông nghiệp, hoa màu kèm theo và có chữ ký của các hộ dân nhận tiền.

Ngày 29/11/2017, UBND huyện Y ban hành Quyết định số 6226/QĐ – UBND về phê duyệt phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ....để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án. Cùng ngày, UBND huyện ban hành Quyết định thu hồi đất số 6037/QĐ – UBND để gửi cho các hộ dân có đất bị thu hồi. Như vậy, quyết định thu hồi đất là bảo đảm đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật.

*** Về căn cứ thu hồi đất:**

Ngày 10/01/2014, Thủ tướng Chính phủ có văn bản số 62/TTg – KTN về việc cho phép UBND tỉnh H quyết định chuyển mục đích sử dụng 607,82 ha đất trồng lúa để thực hiện 92 dự án, công trình, trong đó có Dự án xây dựng nhà ở và các công trình dịch vụ cho công nhân lao động, nhà ở thương mại tại xã N, huyện Y.

Quan điểm của người khởi kiện cho rằng, Hội đồng nhân dân tỉnh H vi phạm vì cho phép chuyển mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa nước quá 10 ha là không có cơ sở bởi lẽ Dự án đã nằm trong danh mục được Thủ tướng Chính phủ cho phép chuyển mục đích sử dụng đất.

Trên cơ sở Nghị quyết số 84/2016/NQ – HĐND ngày 15/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh H về việc chấp thuận danh mục các dự án cần thu hồi đất và phê duyệt các dự án sử dụng đất trồng lúa nước trên địa bàn tỉnh thể hiện Dự án đầu tư Khu nhà ở, dịch vụ khu công nghiệp P của Công ty Cổ phần D1 thuộc danh mục thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội theo quy định tại Điều 62 Luật Đất đai 2013.

Ngày 28/12/2016, UBND tỉnh H ban hành Quyết định số 3190/QĐ – UBND về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2017 của huyện Y, theo đó, Dự án đầu tư Khu nhà ở, dịch vụ khu công nghiệp P của Công ty Cổ phần D1 nằm trong kế hoạch sử dụng đất năm 2017 của huyện Y đã được UBND tỉnh H phê duyệt, đảm bảo đúng quy định tại Điều 63 Luật Đất đai 2013.

Ngày 18/8/2017, UBND tỉnh H có quyết định số 2362/QĐ – UBND về việc phê duyệt giá đất cụ thể làm căn cứ tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư Khu nhà ở, dịch vụ khu công nghiệp P của Công ty Cổ phần D1. Trên cơ sở quyết định này, UBND huyện Y đã phê duyệt phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ...đối với các hộ dân là đảm bảo đúng quy định. Người dân đã nhận tiền bồi thường, hỗ trợ từ năm 2017 và không khiếu nại, khởi kiện.

Từ những phân tích trên cho thấy, UBND huyện Y đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục thu hồi đất cũng như các căn cứ để thu hồi. Trên thực tế, người khởi kiện đã nhận đủ tiền bồi thường, hỗ trợ; nhận đủ tiền thưởng tiến độ từ năm 2017. Quyền sử dụng đất đã được bàn giao cho chủ đầu tư để thực hiện dự án trên cơ sở đồng thuận của người khởi kiện mà không phải thực hiện thủ tục

cưỡng chế thu hồi đất. Từ thời điểm nhận tiền và bàn giao đất cho đến tháng 7 năm 2023, người dân mới nộp đơn khởi kiện tại Tòa án. Nhưng sau khi Tòa án thụ lý vụ án và triệu tập người khởi kiện đến làm việc thì các đương sự đều không đến mà chỉ gửi đơn đề nghị giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án qua dịch vụ bưu chính. Tòa án có văn bản yêu cầu người khởi kiện trình bày quan điểm về các yêu cầu khởi kiện và những nội dung khác có liên quan nhằm làm rõ những vấn đề cần chứng minh trong vụ án nhưng cũng không nhận được văn bản phản hồi. Như vậy người khởi kiện đã không chấp hành nghĩa vụ khi tham gia tố tụng, có thái độ bỏ mặc việc khởi kiện và không hợp tác với Tòa án để làm rõ yêu cầu khởi kiện cũng như cung cấp các tình tiết cần chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chính bản thân mình.

Cho nên, không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T về việc yêu cầu hủy Quyết định thu hồi đất số 6037/QĐ-UBND ngày 29/11/2017 của UBND huyện Y và quyết định hành chính có liên quan là Quyết định giao đất số 2360/QĐ-UBND ngày 19/9/2018 của UBND tỉnh H.

2. Quyết định thu hồi đất số 6037/QĐ-UBND ngày 29/11/2017 và quyết định giao đất số 2360/QĐ-UBND ngày 19/9/2018 của UBND tỉnh H dựa trên trình tự, thủ tục thu hồi đất bảo đảm đúng quy định của pháp luật. Phương án bồi thường cụ thể đối với hộ bà T: Diện tích đất thu hồi là 108m²; diện tích được đền bù theo biên bản giao đất năm 1993 là 107,9m²; tổng số tiền đền bù, hỗ trợ và thưởng tiền độ là 45.547.300 đồng + 1.079.000 đồng = 46.626.300 đồng; bà T đã đồng thuận và nhận đủ theo hai phiếu chi ngày 08/12/2017 (BL183,184). Vì vậy yêu cầu của bà T đề nghị công ty D1 phải đền bù 108m² đất với mức tiền 1.080.000.000 đồng (theo đơn giá 10.000.000đồng/m²) là không được chấp nhận.

Đối với quan điểm, ý kiến của người khởi kiện cho rằng, Công ty Cổ phần D1 đã bồi thường thêm cho một số hộ gia đình khác với giá 360.000.000 đồng/sào nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh nên không có căn cứ chấp nhận.

3. Về số tiền bà T yêu cầu bồi thường thiệt hại trong đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung:

Tại đơn khởi kiện ngày 17/11/2024, bà yêu cầu UBND tỉnh H và UBND huyện Y mỗi cơ quan phải bồi thường 150.000 đồng thiệt hại về sức khỏe và tinh thần do bị sốc khi nhận được quyết định thu hồi đất và quyết định giao đất. Đơn khởi kiện bổ sung ngày 04/2/2025, bà yêu cầu UBND huyện Y, Công ty D1 bồi thường thiệt hại cho người khởi kiện trong thời gian chiếm dụng quyền sử dụng đất nông nghiệp từ tháng 11/2017 đến tháng 1/2025 với số tiền 70.912.000 đồng. Như vậy tổng số tiền bà yêu cầu bồi thường là 71.212.000 đồng. Do việc thu hồi đất như phân tích tại mục 1 phần [II] là đảm bảo quy định của pháp luật

và yêu của bà T đề nghị hủy quyết định thu hồi đất là không được chấp nhận; Công ty D1 là đối tượng được thụ hưởng trên cơ sở quyết định giao đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại nêu trên cũng không được chấp nhận.

4. Đối với các yêu cầu khởi kiện khác không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nên HĐXX không xem xét.

Từ các phân tích trên Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là không có căn cứ để chấp nhận.

6. Về án phí: Bà Phạm Thị T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 30, Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính; Điều 69, 71 Luật Đất đai 2013; Điều 17 Nghị định số 43/2014/NĐ – CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai năm 2013.

Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

I. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T về việc:

1. Yêu cầu hủy quyết định thu hồi đất số 6037/QĐ-UBND ngày 29/11/2017 của UBND huyện Y, về việc thu hồi đất của người khởi kiện tại thôn T, xã N, huyện Y để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án đầu tư Khu nhà ở dịch vụ khu công nghiệp P.

2. Buộc Công ty Cổ phần D1 phải đền bù 108m² đất cho gia đình bà với số tiền 1.008.000.000 đồng.

3. Yêu cầu UBND tỉnh H và UBND huyện Y mỗi cơ quan phải bồi thường 150.000 đồng thiệt hại về sức khỏe và tinh thần do bị sốc khi nhận được quyết định thu hồi đất và quyết định giao đất.

4. Yêu cầu Tòa án kiến nghị với cấp có thẩm quyền và tổ chức Đảng các cấp xử lý kỷ luật hoặc khởi tố vụ án hình sự vì thu hồi đất và cho thuê đất trái pháp luật.

5. Yêu cầu Tòa án kiến nghị và chuyển hồ sơ sang Cơ quan cảnh sát điều tra để khởi tố vụ án hình sự đối với lãnh đạo Công ty cổ phần D1, xem xét dấu hiệu vi phạm pháp luật hình sự của Chủ tịch UBND huyện Y và UBND huyện Y.

6. Yêu cầu Tòa án buộc Chủ tịch UBND huyện Y, UBND huyện Y, UBND xã N, Công ty D1 phải tự phá bỏ, tháo dỡ toàn bộ các công trình đã xây dựng để trả lại mặt bằng đất nông nghiệp cho chủ sử dụng đất;

7. Yêu cầu UBND huyện Y, Công ty D1 bồi thường thiệt hại cho người khởi kiện trong thời gian chiếm dụng quyền sử dụng đất nông nghiệp từ tháng 11/2017 đến tháng 1/2025 với số tiền 70.912.000 đồng.

II. Về án phí: Bà Phạm Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm. Đối trừ với số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 272 ngày 12 tháng 2 năm 2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên, bà T đã nộp đủ.

III. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày. Đương sự có mặt được tính từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt được tính từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- **Các đương sự;**
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Tòa HC; VP./.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Trung Thực

